

BIỂU TỔNG HỢP - PHỤ LỤC SỐ 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 6 NĂM 2025, HUYỆN TUẦN GIÁO

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN		
	TỔNG SỐ	310.408	81.806	479.863	96.622	544.283	31%	
1	Vốn ngân sách địa phương	89.251	13.708	91.418	23.654	96.762	27%	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	24.500	0	0	0	0	0%	Biểu số 1
-	Vốn ngân sách địa phương (Do huyện quản lý)	24.526	12.346	76.658	13.418	79.630	55%	Biểu số 1
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	34.200	0	13.397	6.119	13.015	18%	Biểu số 1
-	Tăng thu ngân sách huyện	6.025	1.362	1.362	4.117	4.117	68%	Biểu số 1
2	Vốn ngân sách trung ương	20.610	7.729	24.994	6.729	37.229	33%	Biểu số 2
3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	200.547	60.369	363.452	66.239	410.292	33%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	97.424	27.118	184.585	32.416	204.005	33%	Biểu số 3
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	92.972	27.243	164.647	28.548	189.753	31%	Biểu số 4
-	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	10.151	6.008	14.220	5.275	16.534	52%	Biểu số 5

Biểu số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
	TỔNG SỐ		201.880,0	181.880,0	89.251,0	13.708,0	91.417,6	23.653,6	96.761,8	
A	Nguồn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý		44.500,0	24.500,0	24.500,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất		44.500,0	24.500,0	24.500,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		44.500,0	24.500,0	24.500,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
1	Sân vận động huyện Tuần Giáo	2046/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	44.500,0	24.500,0	24.500,0	0	0	0	0	KCM 2025
B	Nguồn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý		157.380,0	157.380,0	64.751,0	13.708,0	91.417,6	23.653,6	96.761,8	
I	Nguồn Cân đối ngân sách địa phương (do huyện quản lý)		101.450,0	101.450,0	24.526,0	12.346,0	76.658,5	13.418,0	79.629,7	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		101.450,0	101.450,0	24.526,0	12.346,0	76.658,5	13.418,0	79.629,7	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	Đường từ Ngầm Chiềng An đến Khối Đoàn Kết	76/QĐ-UBND ngày 16/08/2021	40.000,0	40.000,0	7.152	2.352	37.652	2.352	37.078	Tiếp chi
2	Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo	77/QĐ-UBND ngày 18/08/2021	33.000,0	33.000,0	3.725	500	25.986	0	25.486	Tiếp chi
3	Hạ tầng khu đất Phòng Văn hóa + Bãi chiếu phim + Thiết bị sách	147/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.500,0	13.500,0	6.000	4.116	4.583	3.418	6.418	KCM 2024
4	Hạ tầng nút giao thông ngã ba khu vực dốc Đồ thị trấn Tuần Giáo	146/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	14.950,0	14.950,0	7.649	5.378	8.437	7.648	10.648	KCM 2024
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất		50.430,0	50.430,0	34.200,0	0,0	13.397,1	6.118,6	13.015,1	
II.1	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		50.430,0	50.430,0	19.260,0	0,0	13.397,1	6.118,6	13.015,1	
a)	Đủ điều kiện phân bổ chi tiết		23.850,0	23.850,0	9.185,0	0,0	13.397,1	6.118,6	13.015,1	
*	Công trình tiếp chi		15.350,0	15.350,0	4.780,0	0,0	13.015,1	3.188,6	13.015,1	
1	Nâng cấp cầu khối Đồng Tâm + Mặt đường khối Huổi Củ, thị trấn Tuần Giáo	42/QĐ-UBND ngày 07/04/2022	4.600,0	4.600,0	1.027,0		4.395	1.027	4.395	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
2	Nâng cấp sửa chữa đường bản Củ, bản Bó Giáng xã Quài Nưa	16/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	3.600,0	3.600,0	890,9		3.509	879	3.509	Tiếp chi
3	Đường nội bản Nậm Din + Háng Khúa xã Phình Sáng	30/QĐ-UBND ngày 28/03/2022	3.600,0	3.600,0	111		3.561	111	3.561	Tiếp chi
4	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng trục QL6 (Khu vực Quài Cang)	16/QĐ-UBND ngày 02/05/2024	1.600,0	1.600,0	530,0		1.408	530	1.408	Tiếp chi
5	Nâng cấp sửa chữa đường bản Pom Ban xã Quài Tở	62/QĐ-UBND ngày 16/08/2024	350,0	350,0	350,0		36	36	36	KCM 2024
6	Nhà văn hóa bản Ta xã Quài Tở	17/QĐ-UBND ngày 02/05/2024	1.600,0	1.600,0	1.372,2		106	106	106	KCM 2024
7	Đèn chiếu sáng, đèn trang trí khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo (QL6, QL279 + đường tránh QL279)				210,2			210		Trả nợ sau QT
8	Nâng cấp sửa chữa đường bản Cán, bản Sáng, bản Sảo				87,8			88		Trả nợ sau QT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
9	Nâng cấp sửa chữa đường bản Háng Tàu, xã Tà Lài				156,4			156		Trả nợ sau QT
10	Cổng chào huyện Tuần Giáo				38,4			38		Trả nợ sau QT
11	Nâng cấp đường Khổi 20/7 - bản Đông				5,9			6		Trả nợ sau QT
*	<i>Khởi công mới năm 2025</i>		8.500,0	8.500,0	4.405,0	0,0	382,0	2.930,0	0,0	
1	Nhà văn hóa bản Dừn xã Chiềng Sinh		1.500,0	1.500,0	1.430,0			1.430,0		(KCM 2025)
2	Nhà văn hóa bản Che Phai 1 xã Chiềng Sinh		1.500,0	1.500,0	1.500,0			1.500,0		(KCM 2025)
3	Đường vào khu sản xuất bản Phai Mường xã Mường Khong	120/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	5.500,0	5.500,0	1.475,0		382			(KCM 2025)
b)	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết		26.580,0	26.580,0	10.075,0					
II.2	UBND thị trấn Tuần Giáo				4.140,0					

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	TỔNG SỐ		103.175,0	103.175,0	20.610,0	7.729,0	24.994,0	6.729,0	37.229,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		80.000,0	80.000,0	12.030,0	7.729,0	24.994,0	6.729,0	37.229,0	
1	Nâng cấp đường QL6 – TT xã Rạng Đông - TT xã Phình Sáng – Phảng Củ, huyện Tuần Giáo	2098/QĐ-UBND 14/11/2022	80.000,0	80.000,0	12.030,0	7.729	24.994	6.729	37.229	Tiếp chi
*	Ban QL rừng phòng hộ		23.175,0	23.175,0	8.580,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	945/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	23.175,0	23.175,0	8.580,0					Tiếp chi

Biểu số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	TỔNG SỐ		282.443,0	272.581,4	97.424,0	27.117,7	184.585,0	32.416,2	204.005,3	
A	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ		32.000,0	32.000,0	14.330,0	3.300,0	7.000,0	0,0	13.191,0	
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		32.000,0	32.000,0	14.330,0	3.300,0	7.000,0	0,0	13.191,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		32.000,0	32.000,0	14.330,0	3.300,0	7.000,0	0,0	13.191,0	
1	Đường từ bản Phiêng Hoa -Á Lênh, xã Phình Sáng	2201a/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	32.000,0	32.000,0	14.330,0	3.300,0	7.000,0		13.191,0	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
B	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ		250.443,0	240.581,4	83.094,0	23.817,7	177.585,0	32.416,2	190.814,3	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		5.500,0	5.500,0	5.500,0	400,0	0,0	1.790,0	1.790,0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2025		5.500,0	5.500,0	5.500,0	400,0	0,0	1.790,0	1.790,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		5.500,0	5.500,0	5.500,0	400,0	0,0	1.790,0	1.790,0	
1	Hệ thống cấp nước Trung tâm xã Ta Ma		5.500,0	5.500,0	5.500,0	400,0		1.790,0	1.790,0	KCM 2025
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		166.451,0	159.409,0	73.383,6	20.506,1	103.289,0	27.167,6	114.752,4	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		9.300,0	9.152,0	317,0	231,0	9.142,5	316,0	9.150,1	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		9.300,0	9.152,0	317,0	231,0	9.142,5	316,0	9.150,1	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	Nhà văn hóa xã Nà Tòng	113/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.200,0	3.182,0	142,0	142,0	3.182,0	142,0	3.182,0	
2	Nhà văn hóa xã Rạng Đông	108/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.510,0	90,0	89,0	3.501,5	89,0	3.509,0	
3	Đường bản ly Xôm xã Chiềng Sinh	19/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	2.500,0	2.460,0	85		2.459,1	85,0	2.459,1	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		111.295,0	104.401,0	27.210,6	18.425,1	92.296,5	14.725,2	93.475,9	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		107.645,0	100.933,0	26.042,6	17.257,1	88.828,5	13.557,2	90.007,9	
1	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545,0	12.868,0	3.326	1.767,2	12.217,2	1.767,6	12.217,2	Tiếp chi
2	Đường từ bản Chăn đi bản Hua Chăn xã Chiềng Đông	181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900,0	13.365,0	5.238	3.354,5	12.029,7	3.530,7	12.029,7	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
3	Đường từ ngã ba đi Nà Đẳng - bản Trạm Cù xã Ta Ma	182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000,0	12.020,0	284	198,6	11.615,0	198,6	11.615,0	Tiếp chi
4	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100,0	8.776,0	441,0	383,1	8.258,0	383,1	8.258,0	Tiếp chi
5	Đường từ bản Hua Mức III đi bản Thâm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900,0	13.984,0	464,0		13.931,0	464,0	13.930,4	Tiếp chi
7	Nhà văn hóa xã Pú Nhung	111/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.300,0	2.850,0	810,0	810,0	3.600,0	810,0	3.600,0	Tiếp chi
8	Nhà văn hóa xã Chiềng Sinh	110/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.420,0	2.080,0	2.821,0	3.420,0	1.800,0	3.300,0	Tiếp chi
9	Nhà văn hóa bản Muông xã Mường Thín	114/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.900,0	1.805,0	98,0	54,0	1.867,2	98,0	1.867,0	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
10	Kiên cố hóa các điểm trường mầm non Pá Tong, Co Phát, Co Muông - trường mầm non Sao Mai	109/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	7.000,0	6.650,0	1.257,6	1.089,0	6.943,3	1.257,6	6.943,0	Tiếp chi
11	Đường bản Huổi Lóng + bãi rác xã Mùn Chung	115/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.100,0	1.045,0	30,0	29,6	1.029,6	29,6	1.029,6	Tiếp chi
12	Nhà văn hóa xã Ta Ma	116/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.000,0	2.850,0	990,0	1.460,0	2.999,4	990,0	2.990,0	Tiếp chi
13	Nước sinh hoạt bản Chu Lú	105/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	2.900,0	2.900,0	1.203,0	1.800,0	2.780,0	1.203,0	2.703,0	Tiếp chi
14	Nhà văn hóa xã Pú Xi	106/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.500,0	3.500,0	1.981,0	1.000,0	1.705,0	757,0	2.257,0	Tiếp chi
15	Đường vào khu dân cư Huổi Máu, xã Mường Khong	107/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	14.900,0	14.900,0	7.840,0	2.490,0	6.433,0	267,8	7.267,8	Tiếp chi
*	UBND xã Quài Tở		2.200,0	2.090,0	1.090,0	1.090,0	2.090,0	1.090,0	2.090,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
16	Nhà văn hóa bản Bông ban xã Quài Tở	79/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	2.200,0	2.090,0	1.090,0	1.090,0	2.090,0	1.090,0	2.090,0	Tiếp chi
*	UBND xã Tỏa Tình		1.450,0	1.378,0	78,0	78,0	1.378,0	78,0	1.378,0	
17	Nhà văn hóa bản Hua Sa B xã Tỏa Tình	110/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.450,0	1.378,0	78,0	78,0	1.378,0	78,0	1.378,0	Tiếp chi
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025		45.856,0	45.856,0	45.856,0	1.850,0	1.850,0	12.126,4	12.126,4	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		45.856,0	45.856,0	45.856,0	1.850,0	1.850,0	12.126,4	12.126,4	
1	Chợ trung tâm cụm xã Rạng Đông + Ta Ma + Phình Sáng + Pú Nhung	114/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	4.400,0	4.400,0	4.400,0	300,0	300,0	1.209,7	1.209,7	KCM 2025
2	Khu thể thao ngoài trời xã Quài Nưa	116/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	7.116,0	7.116,0	7.116,0	250,0	250,0	1.164,7	1.164,7	KCM 2025

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
3	Khu thể thao ngoài trời cụm xã Rạng Đông + Ta Ma + Phình Sáng + Pú Nhung	117/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	10.550,0	10.550,0	10.550,0	400,0	400,0	2.400,0	2.400,0	KCM 2025
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng nông thôn các xã: Chiềng Sinh, Chiềng Đông, Quài Nưa, Pú Nhung, Mường Mùn, Mùn Chung, Rạng Đông, Phình Sáng	118/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	11.790,0	11.790,0	11.790,0	400,0	400,0	3.500,0	3.500,0	KCM 2025
5	Sắp xếp ổn định dân cư, chỉnh trị dòng suối phòng chống sạt lở, lũ ống bản Háng Khúa xã Phình Sáng, đường liên bản Bon A - bon B xã Rạng Đông	119/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	12.000,0	12.000,0	12.000,0	500,0	500,0	3.852,0	3.852,0	KCM 2025
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		73.628,0	70.808,4	986,4	0,0	69.858,4	547,0	69.834,4	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		73.628,0	70.808,4	986,4	0,0	69.858,4	547,0	69.834,4	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		73.628,0	70.808,4	986,4	0,0	69.858,4	547,0	69.834,4	
1	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.294,4	210,4		14.352,9	209,0	14.352,9	Tiếp chi
2	Trường PTDTBT TH Nà Tông	189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900,0	14.155,0	38,0		13.848,0		13.829,0	Tiếp chi
3	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900,0	14.155,0	15,0		13.854,0	15,0	13.849,0	Tiếp chi
4	Trường PTDT BT TH Bình Minh	188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028,0	13.649,0	323,0		13.648,5	323,0	13.648,5	Tiếp chi
5	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.555,0	400,0		14.155,0		14.155,0	Tiếp chi
VI	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.864,0	4.864,0	3.224,0	2.911,6	4.437,6	2.911,6	4.437,6	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		4.864,0	4.864,0	3.224,0	2.911,6	4.437,6	2.911,6	4.437,6	
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng bản Lồng, xã Tỏa Tình	67/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	4.864,0	4.864,0	3.224,0	2.911,6	4.437,6	2.911,6	4.437,6	Tiếp chi

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	TỔNG SỐ		284.531,0	284.531,0	92.972,0	27.243,0	164.646,7	28.547,9	189.753,1	
A	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ		270.531,0	270.531,0	81.972,0	18.415,0	155.818,7	20.960,4	179.165,6	
I	Dự án 1:Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		179.000,0	179.000,0	20.441,0	9.949,7	132.110,2	8.555,7	136.760,9	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		91.000,0	91.000,0	1.981,0	945,7	86.407,9	1.214,7	86.219,9	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		91.000,0	91.000,0	1.981,0	945,7	86.407,9	1.214,7	86.219,9	
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND 14/8/2022	65.000,0	65.000,0	1.768,0	810,7	63.034,7	1.079,7	62.846,7	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
2	Đường liên xã Nà Sáy - Mường Khong	1428/QĐ-UBND 14/8/2022	26.000,0	26.000,0	213,0	135,0	23.373,3	135,0	23.373,3	Tiếp chi
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		60.000,0	60.000,0	16.873,0	7.661,0	44.359,3	6.461,0	49.461,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		60.000,0	60.000,0	16.873,0	7.661,0	44.359,3	6.461,0	49.461,0	
1	Trường PTDTBT tiểu học Khoong Hin	1429/QĐ-UBND 14/8/2022	30.000,0	30.000,0	7.000,0	5.461,0	28.461,7	5.261,0	28.261,0	Tiếp chi
2	Đường liên xã Rạng Đông - Nà Tông	2213/QĐ-UBND 02/12/2022	30.000,0	30.000,0	9.873,0	2.200,0	15.897,6	1.200,0	21.200,0	Tiếp chi
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025		28.000,0	28.000,0	1.587,0	1.343,0	1.343,0	880,0	1.080,0	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		28.000,0	28.000,0	1.587,0	1.343,0	1.343,0	880,0	1.080,0	
1	Trường PTDTBT THCS và Tiểu học Pú Xi	1554/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	28.000,0	28.000,0	1.587,0	1.343,0	1.343,0	880,0	1.080,0	KCM 2025

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
II	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.		91.531,0	91.531,0	61.531,0	8.465,3	23.708,5	12.404,7	42.404,7	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		91.531,0	91.531,0	61.531,0	8.465,3	23.708,5	12.404,7	42.404,7	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		91.531,0	91.531,0	61.531,0	8.465,3	23.708,5	12.404,7	42.404,7	
1	Đường Quốc lộ 6 - Khu du lịch nước nóng xã Quài Cang – xã Tả Tình	1954/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	35.000,0	35.000,0	20.000,0	375,0	10.739,7	1.489,8	16.489,8	Tiếp chi
2	Đường liên xã Chiềng Đông – Chiềng Sinh – Nà Sáy	1955/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	56.531,0	56.531,0	41.531,0	8.090,3	12.968,8	10.914,9	25.914,9	Tiếp chi
B	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ		14.000,0	14.000,0	11.000,0	8.828,0	8.828,0	7.587,5	10.587,5	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
I	Dự án 1:Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		14.000,0	14.000,0	11.000,0	8.828,0	8.828,0	7.587,5	10.587,5	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		14.000,0	14.000,0	11.000,0	8.828,0	8.828,0	7.587,5	10.587,5	
*	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		14.000,0	14.000,0	11.000,0	8.828,0	8.828,0	7.587,5	10.587,5	
1	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Mùn Chung	140/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	14.000,0	14.000,0	11.000,0	8.828,0	8.828,0	7.587,5	10.587,5	Tiếp chi

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khôi lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	TỔNG SỐ		23.100,0	23.100,0	10.151,0	6.008,4	14.220,1	5.274,9	16.533,7	
I	Ban QLDA và phát triển quỹ đất		23.100,0	23.100,0	10.151,0	6.008,4	14.220,1	5.274,9	16.533,7	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		23.100,0	23.100,0	10.151,0	6.008,4	14.220,1	5.274,9	16.533,7	
1	Đường giao thông bản Bông Ban + bản Báng Sán	99/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	2.218,0	40,0	1.370,0	40,0	2.807,8	Tiếp chi
2	Đường giao thông Hới Nọ	100/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	5.100,0	5.100,0	2.435,0	2.478,7	4.591,6	2.078,7	4.578,7	Tiếp chi
3	Đường giao thông bản Ngúa	101/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	2.886,0	700,0	2.943,0	700,0	3.700,0	Tiếp chi

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Ước KLTH từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế KLTH	Ước giải ngân từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Lũy kế GTGN	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
4	Đường giao thông bản Cuông + bản Giăng	103/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.200,0	3.200,0	1.574,0	1.434,9	2.908,7	1.490,2	2.990,2	Tiếp chi
5	Đường giao thông bản Cang	104/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	2.800,0	2.800,0	1.038,0	1.354,7	2.406,8	966,0	2.457,0	Tiếp chi